

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 334 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 8 - 2023.

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**; Bà **Nguyễn Thị Luận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 237/2023/TLST- HNGĐ ngày 23/6/2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Anh Hoàng Đình T – sinh năm 1999

ĐKKHKT và cư trú: thôn NH, xã PN, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị Ngọc H – sinh năm 1998

ĐKKHKT: thôn NH, xã PN, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Xóm x, xã ĐQ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Có mặt: Anh T, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2023, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Hoàng Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 14/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu

thuần, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp và do vợ chồng khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau; mâu thuẫn trầm trọng từ ngày 01/9/2022. Anh và chị H sống ly thân từ đó đến nay, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở địa chỉ: Xóm 2, xóm ĐQ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ sinh sống còn anh ở xã PN, huyện Chương Mỹ. Mỗi người một nơi, không hỏi han, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Hoàng Đình Đ, sinh ngày 04/5/2021. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh đã nuôi cháu Đ từ bé, kể từ lúc chị H bỏ đi là tháng 9/2022 (khi đó cháu Đ mới 15 tháng tuổi) đến nay thì anh vẫn là người trực tiếp nuôi con, chăm sóc con có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ anh; hiện nay cháu Đ đang học tại Trường mầm non tư thục thuộc xã PN, huyện Chương Mỹ.

Hiện tại anh đang làm nghề lái xe taxi, xe tư nhân của anh, mỗi tháng thu nhập từ 15 đến 17 triệu đồng, anh có đủ điều kiện kinh tế, vật chất, tinh thần để đảm bảo cuộc sống đầy đủ cho cháu Đ.

Anh không đồng ý để chị H nuôi con vì khi chị H bỏ đi thì cháu Đ còn nhỏ, khoảng 15 tháng tuổi, anh vẫn chăm sóc cháu tốt nên bây giờ cháu Đ đã hơn 2 tuổi không cần đến sự chăm sóc của người mẹ; cháu đã cai sữa mẹ từ lúc 09 tháng tuổi, mặt khác chị H đang ở cùng bố mẹ đẻ, không có chỗ ở ổn định, thu nhập thấp.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Chị Đình Thị Ngọc H trình bày:** Chị nhất trí với lời trình bày của Anh T về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2021 do chị phát hiện Anh T có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, chị đã bỏ đi và Anh T đã xin lỗi, đón chị về. Sau khi về chung sống lại thì vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn do Anh T vẫn có mối quan hệ với người phụ nữ khác, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con. Sau đó do mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị sống ly thân từ khoảng tháng 10/2022 đến nay. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng chị không quan tâm đến nhau, nhưng vì con nên chị cũng nhiều lần mong muốn đôi bên suy nghĩ để đoàn tụ, chị cũng đã cố tìm mọi cách để hàn gắn nhưng Anh T không cho chị cơ hội hàn gắn. Nay Anh T có đơn xin ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì con

chị vẫn mong muốn đoàn tụ, trường hợp Anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và Anh T có 01 con chung là Hoàng Đình Đ, sinh ngày 04/5/2021. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng Anh T, cháu đang học ở trường mầm non Thần Đồng thuộc thôn NH, xã PN, huyện Chương Mỹ.

Trường hợp ly hôn, chị xin nuôi cháu Đ, vì con hay ốm nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Hiện nay chị đang làm thu ngân tại nhà hàng ở thị trấn Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và còn làm thêm nghề làm móng, làm mi, thu nhập mỗi tháng từ 8- 10 triệu, chị có thời gian dành cho con để chăm sóc con tốt nhất.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Anh T: Xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn yêu cầu xin ly hôn với chị H. Vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được nuôi cháu Đ và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận khi chị H đi về nhà mẹ đẻ để sống ly thân thì có mang theo cháu Đ, nhưng sau đó khoảng mấy ngày thì anh đã lên đón cháu Đ về với anh. Xác nhận trước tết nguyên đán chị H có về nhà anh mấy hôm nhưng không nói chuyện với anh mà chỉ chơi với con và bố mẹ anh. Xác nhận đầu năm 2023 khi cháu Đ bị ốm nằm viện thì chị H có ra viện ở lại chăm sóc con. Xác nhận chị H vẫn quan tâm đến cháu Đ. Không đề nghị giải quyết về tài sản

- Bị đơn – chị H: Xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với Anh T. Về con chung: Mặc dù vợ chồng ly thân không quan đến nhau nhưng chị thường xuyên gọi điện thoại cho mẹ Anh T để hỏi thăm về sức khỏe của cháu Đ. Khi cháu Đ ốm, nằm viện chị là người chăm sóc, nên chị đề nghị được nuôi cháu Đ sau ly hôn. Nếu chị được nuôi con chị sẽ xin việc ở gần nhà vì lúc đó hai mẹ con sẽ sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị, khu vực nhà bố mẹ chị ở có các trường mầm non công lập và dân lập. Nếu được nuôi cháu Đ, chị yêu cầu Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng để thực hiện trách nhiệm của người làm cha.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho Anh T được ly hôn chị H. Về con chung: Đề nghị giao con chung – cháu Hoàng Đình Đ, sinh ngày 04/5/2021 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác và buộc Anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Anh T phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Hoàng Đình T có đơn khởi kiện đối với chị Đinh Thị Ngọc H về việc xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn– Chị H có hộ khẩu thường trú tại xã PN, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đình T và chị Đinh Thị Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Anh T xin ly hôn chị H với lý do bất đồng quan điểm sống, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không hoà giải được, nhiều lần cãi vã do tính tình không hợp, vợ chồng khó khăn về kinh tế. Anh chị mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ đầu tháng 9/2022 đến nay, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ thời gian đó, không quan tâm gia đình, con cái. Chị H cho rằng vợ chồng chị mâu thuẫn do Anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con. Trước yêu cầu xin ly hôn của Anh T, chị H đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của Anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh T.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị H xác nhận có 01 con chung là cháu Hoàng Đình Đ, sinh ngày 04/5/2021, tính đến hôm nay cháu Đ được 27 tháng 11 ngày tuổi. Anh T và chị H đều có nguyện vọng được nuôi con chung.

Tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ*

không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Quá trình giải quyết vụ án, Anh T cho rằng khi chị H bỏ đi đã để cháu Đ ở lại cho Anh T nuôi khi cháu Đ mới 15 tháng tuổi, trong thời gian bỏ đi không quan tâm, hỏi han gì đến cháu Đ để đề nghị được quyền nuôi cháu Đ và đến nay vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được nuôi cháu Đ sau ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, Anh T lại thừa nhận khi chị H bỏ đi thì có mang theo cháu Đ, sau đó Anh T đã đến đón cháu Đ về và trong thời gian vợ chồng ly thân chị H vẫn có trách nhiệm với cháu Đ, vẫn trông nom cháu Đ khi bị ốm.

Như vậy, Anh T đã không có căn cứ chứng minh chị H không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ.

Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nói trên, Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Đình Đ cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu Anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với điều kiện thu nhập của Anh T nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho chị H là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/9/2023 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Anh Hoàng Đình T được ly hôn với chị Đinh Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Anh Hoàng Đình T và chị Đình Thị Ngọc H có một con chung là cháu Hoàng Đình Đ, sinh ngày 04/5/2021.

Giao cháu Hoàng Đình Đ cho chị Đình Thị Ngọc H được quyền nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Hoàng Đình T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Đình Đ cho chị Đình Thị Ngọc H là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, kể từ ngày 01/9/2023 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

4. Về án phí: Anh Hoàng Đình T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ với 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí Anh T đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0076855 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 22/6/2023, Anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã PN (Số 33, ngày 14/7/2020);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai